

Bản án số: 09/2017/HSST

Ngày: 25/ 8/ 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KỲ SƠN - HOÀ BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ễng Nguyễn Văn Lự
- Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Khanh và ông Phí Văn Bằng
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên toà: Bà Lỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.
- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Phan Thị Thùy Linh - Thư ký TAND huyện Kỳ Sơn.

Ngày 25 tháng 8 năm 2017 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Kỳ Sơn mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2017/HSST, ngày 02 tháng 8 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. NGUYỄN TRUNG D - Sinh ngày 04/5/1993

Tên gọi khác: “Ấu”

Nơi ĐKKHKT: xóm A, xóm B, huyện C, Hũa Bõnh.

Trình độ văn hoá: 8/12; Dân tộc: Mường; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị D1. Vợ con: Chưa. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con út trong gia đình.

Tiền án: Không

Tiền sự: có 01 tiền sự. Ngày 14/02/2017 bị Công an huyện Kỳ Sơn - Hòa Bình xử phạt hành chính về hành vi đánh nhau xảy ra ngày 09/12/2016 tại xóm Hang Nước, xã Mông Hóa, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/5/2017 đến nay, được trích xuất có mặt tại phiên toà.

2. NGUYỄN VĂN T - Sinh ngày 21/9/1990

Tên gọi khác: “Gấu”

Nơi ĐKKHKT: xóm E, xóm B, huyện C, Hũa Bõnh.

Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Mường; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Văn T1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị B.

Có vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1994 (đã ly hôn) và 01 con còn nhỏ. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con út trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/5/2017 đến nay, được trích xuất có mặt tại phiên tòa.

3. NGUYỄN VĂN Q - Sinh ngày 20/02/1998

Tên gọi khác: “Cu Mèo”

Nơi ĐKHKTT: xóm G, xóm B, huyện C, tỉnh Hòa Bình.

Trình độ văn hoá: 11/12; Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Con ông: Nguyễn Văn P và bà Hồ Thị Kim D2.

Có vợ là Nguyễn Thị T1 và 01 con còn nhỏ. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con cả trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/5/2017 đến nay, được trích xuất có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1- Bà Hoàng Thị V .

Địa chỉ: xóm H, xóm B, huyện C, Hòa Bình

2- Anh Nguyễn Văn Đ1.

Địa chỉ: xóm A, xóm B, huyện C, Hòa Bình

Bà V có mặt, anh Đ1 vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng giữa tháng 3/2017 Nguyễn Trung D đi chở hàng thuê tại Cảng Hải Phòng. Tại đây D được một người thanh niên (không rõ tên tuổi, địa chỉ) đưa cho 05 tờ tiền giả đều có mệnh giá 200.000 đồng nói về tiêu thử. D đồng ý và cắt dấu số tiền trên vào ví của mình chờ cơ hội để lưu hành. Đến tháng 5/2017 D đã nghỉ làm việc tại Hải Phòng và trở về nhà để làm ăn sinh sống. Ngày 25/5/2017 D nhớ đến và đem số tiền giả trên ra để lưu hành thì phát hiện có một trong năm tờ tiền giả bị rách, lưu hành sợ bị lộ D đã đốt bỏ. Sau đó D cầm số tiền còn lại đến nhà Nguyễn Văn T nói cho T biết đó là tiền giả và bảo T đem số tiền này đi mua hàng có giá trị thấp để đổi lấy tiền thật về chia nhau sử dụng, T đồng ý. Đến trưa ngày 27/5/2017 Tú gọi điện cho Nguyễn Văn Q đến nhà T. Tại đây T đưa cho Q một tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng và nói cho Q biết đó là tiền giả, bảo Q đi mua thẻ điện thoại về nạp chơi game. Q đồng ý và mang tiền giả đến quán tạp hóa nhà bà Hoàng Thị V mua hai thẻ điện thoại mỗi

cái mệnh giá 20.000 đồng và được bà V trả lại 160.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Q cầm thẻ điện thoại về cùng T nạp chơi game, số tiền thừa cùng nhau tiêu xài. Đến tối cùng ngày T đến quán tạp hóa nhà anh Nguyễn Văn Đ1 dùng một tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng mua hai bao thuốc lá Thăng Long trị giá 20.000 đồng, được anh Đ1 trả lại tiền thừa 180.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. T cầm số tiền trên về đưa cho Nguyễn Trung Dg, cả hai dùng số tiền đó vào tiêu xài cá nhân. Khoảng trưa ngày 28/5/2017 T lại đưa cho Q một tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng để mua thẻ điện thoại về chơi game. Q cầm tiền đến quán tạp hóa nhà ông L mua 04 chiếc thẻ điện thoại mỗi thẻ trị giá 50.000 đồng, nhưng ông L kiểm tra và nghi ngờ là tiền giả nên không bán thẻ cho Q. Q mang số tiền trên đến quán nhà bà V mua 10 chiếc thẻ điện thoại mệnh giá 20.000 đồng về cùng T nạp chơi game. Đến ngày 29/5/2017 T lại đưa cho Q một tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng để mua thẻ điện thoại. Q đồng ý cầm tiền lại đến quán nhà bà V mua 03 thẻ điện thoại mỗi thẻ trị giá 50.000 đồng và 02 thẻ điện thoại mỗi thẻ trị giá 20.000 đồng. Do hai lần trước bà V phát hiện Q đến mua thẻ điện thoại đều dùng tiền mệnh giá 200.000 đồng có đặc điểm giống nhau, nghi ngờ là tiền giả bà V đến trình báo Cơ quan Công an để giải quyết. Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn T đã bị bắt khẩn cấp, Nguyễn Trung D ra đầu thú. Biết được vụ việc trên ngày 30/5/2017 anh Nguyễn Văn Đ1 kiểm tra lại tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng mà T mua thuốc lá và nghi ngờ là tiền giả, anh Đ1 đã có đơn tố giác đến Cơ quan Công an huyện Kỳ Sơn.

Tại kết luận số 98/KLGD-PC54 ngày 01/6/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hòa Bình kết luận: 04 tờ tiền polime mệnh giá 200.000 đồng gửi đến giám định không phải là do Ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành (tiền giả).

Tại Bản cáo trạng số 09/KSĐT, ngày 01/ 8/ 2017 của VKSND huyện Kỳ Sơn đã truy tố Nguyễn Trung D về tội Tàng trữ tiền giả và Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn T về tội Lưu hành tiền giả. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 - Điều 180 - BLHS.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Trung D phạm tội Tàng trữ tiền giả và Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn T phạm tội Lưu hành tiền giả. Áp dụng điểm khoản 1 Điều 180; điểm (g,p) khoản 1 khoản 2 -Điều 46, Điều 47, Điều 60 của Bộ luật hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt Nguyễn Trung D từ 30 - 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Nguyễn Văn T từ 24 - 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Nguyễn Văn Q từ 24 - 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, các bị cáo.

XÉT THẤY:

Tại phiên toà hôm nay các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, cụ thể: Tháng 3/2017 Nguyễn Trung D do một người thanh niên không quen biết đưa cho 05 tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng. D đã cất dấu số tiền trên và chờ để lưu hành. Tháng 5/2017 D đã đưa số tiền trên cho Nguyễn Văn T và T liên hệ cùng Nguyễn Văn Q để tiêu số tiền giả trên, với thủ đoạn dùng tiền giả mua hàng có giá trị thấp để đổi lấy tiền thật.

Như vậy có đủ cơ sở khẳng định bị cáo Nguyễn Trung D phạm tội Tàng trữ tiền giả, bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Q phạm tội Lưu hành tiền giả. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 180 - BLHS. Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Sơn truy tố và kết luận về hành vi phạm tội của các bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Tội phạm do các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tiền tệ, làm lũng loạn thị trường, gây mất trật tự trị an trên địa bàn.

Đánh giá vai trò của từng bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng:

Trong vụ án này các bị cáo đồng phạm với tính chất giản đơn, không có tổ chức. Tuy nhiên Nguyễn Trung D là người khởi xướng, tàng trữ số tiền giả và đưa cho Nguyễn Văn T để lưu hành. Bản thân D cũng được T chia tiền thật cùng tiêu. do đó D phải có mức án cao hơn so với đồng phạm khác.

Đối với Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Q là hai người thực hành tích cực, trực tiếp mang số tiền giả mà D đưa cho để lưu hành , do đó T và Q phải chịu trách nhiệm tương đương nhau sau bị cáo D.

Tuy nhiên khi lượng hình Hội đồng xét xử cần đánh giá đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo đó là: Trước cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải. Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, số tiền mà các bị cáo lưu hành đã kịp thời được thu hồi, chưa bị phát tán. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Đ1 và bà Hoàng Thị V được các bị cáo hoàn lại số tiền thật và đã có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Sau khi vụ việc bị phát giác D đã đến cơ quan công an đầu thú. Đối với Nguyễn Văn Q có ông ngoại là liệt sĩ Đinh Văn P, còn Nguyễn Văn T có ông nội được Nhà nước tặng thưởng huân, huy chương trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Đây là những tình tiết giảm nhẹ TNHS cho các bị cáo, được quy định tại điểm (p, g) khoản 1, khoản 2 Điều 46 - BLHS mà Hội đồng xét xử cần xem xét khi lượng hình. Bị cáo Q, T có nhân thân tốt, chưa tiền án tiền sự. Bản thân bị

cáo D mặc dù có một tiền sự nhưng các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, do vậy Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho hưởng án treo, cũng có thể giáo dục, cải tạo các bị cáo thành người lương thiện.

Áp dụng Điều 47 của BLHS năm 2009 để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cho các bị cáo.

* Về tang vật vụ án: 01 điện thoại di động kiểu dáng giống Iphone 6Plus màu trắng, mặt kính bị rạn nứt, không kiểm tra tình trạng bên trong của Nguyễn Trung D; 01 điện thoại NOKIA 2370 classic màu đen trắng, không kiểm tra tình trạng bên trong của Nguyễn Văn T; 01 điện thoại NOKIA 110i màu đen trắng, không kiểm tra tình trạng bên trong, kèm một sim Vina và một sim Viettel của Nguyễn Văn Q. Xét các vật chứng trên không liên quan đến vụ án cần trả lại cho các bị cáo.

Đối với 01 tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng có số seri DJ37486255; 01 tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng có số seri DJ37486254; 01 tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng có số seri GF42613369, cần tịch thu tiêu hủy.

Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1- Tuyên bố: Nguyễn Trung D phạm tội “Tàng trữ tiền giả”. Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Q phạm tội “Lưu hành tiền giả”.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 180; điểm (p, g) khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 60 - Bộ Luật hình sự, xử phạt Nguyễn Trung D **36 (Ba sáu)** tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **60 (Sáu mươi)** tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã B, huyện C, tỉnh Hòa Bình giáo dục, quản lý bị cáo trong thời gian thử thách.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 180; điểm (p, g) khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 60 - Bộ Luật hình sự, xử phạt Nguyễn Văn T **30 (ba mươi)** tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **60 (Sáu mươi)** tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã B, huyện C, tỉnh Hòa Bình giáo dục, quản lý bị cáo trong thời gian thử thách.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 180; điểm (p, g) khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 60 - Bộ Luật hình sự, xử phạt Nguyễn Văn Q **30 (Ba mươi)** tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **60 (Sáu mươi)** tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã B, huyện C, tỉnh Hòa Bình giáo dục, quản lý bị cáo trong thời gian thử thách.

2- Về tang vật: Áp dụng Điều 41 - Bộ luật hình sự; Điều 76 - Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy đối với: 01 tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng có số seri DJ37486255; 01 tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng có số seri DJ37486254; 01 tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng có số seri GF42613369.

- Hoàn trả lại cho bị cáo Nguyễn Trung D 01 điện thoại di động kiểu dáng giống Iphone 6Plus màu trắng, mặt kính bị rạn nứt, không kiểm tra tình trạng bên trong.

- Hoàn trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T 01 điện thoại NOKIA 2370 classic màu đen trắng, không kiểm tra tình trạng bên trong.

- Hoàn trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Q 01 điện thoại NOKIA 110i màu đen trắng, không kiểm tra tình trạng bên trong, kèm một sim Vina và một sim Viettel.

(Các vật chứng trên hiện đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Sơn theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/8/2017).

3 - Án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo, bà V có quyền kháng cáo. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đ1 vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn kể trên kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
THẨM

- VKSND huyện Kỳ Sơn;
- TAND tỉnh Hoà Bình;
- Thi hành án huyện Kỳ Sơn;
- UBND xã B;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Lưu HSVA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Lự

